

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2017

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Lung;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền; Bà Trần Thị Ngọc Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Trần Ngọc P**, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* **Anh Do Huu P**, sinh năm 1969; địa chỉ: Canada (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2017, chị Trần Ngọc P trình bày: Chị và anh Do Huu P được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/7/2010. Sau khi kết hôn khoảng 01 tháng thì anh Do Huu P trở về Canada, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc nhau qua điện thoại và mỗi năm anh Do Huu P đều có về Việt Nam thăm gia đình. Đến năm 2016 giữa chị với anh Do Huu P bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng không còn và từ đó không còn liên lạc với nhau.

Nay chị P nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Do Huu P. Ngoài ra, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản đồng ý ly hôn ngày 01/6/2017, anh Do Huu P xác nhận: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như lời trình bày của chị Trần Ngọc P. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P; ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngày 01/6/2017, chị Trần Ngọc P, anh Do Huu P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Ngọc P và anh Do Huu P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung vụ án:** Hôn nhân giữa chị Trần Ngọc P và anh Do Huu P đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13 tháng 7 năm 2010 theo đúng quy định tại các Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Tòa án Việt Nam công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị P và anh Do Huu P đều cho rằng: Năm 2016 giữa chị P với anh Do Huu P không còn liên lạc với nhau nữa do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; kể từ đó, tình cảm vợ chồng không còn nên chị P và anh Do Huu P đều tự nguyện đồng ý ly hôn.

Do đó, có căn cứ để kết luận: Hôn nhân giữa chị Trần Ngọc P với anh Do Huu P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; cần chấp nhận cho hai người ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống, chị Trần Ngọc P và anh Do Huu P đều xác nhận: không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Trần Ngọc P được ly hôn với anh Do Huu P.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trần Ngọc P phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005942 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị **Trần Ngọc P** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh **Do Huu P** có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đào Văn Lung